

Bản án số: 12/2024/HSST
Ngày 22 - 3 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- TH2nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan và ông Hoàng Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Ông Phan Mạnh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 124/2023/TLST - HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST - HS ngày 21/12/2023, đối với bị cáo:

Lê Văn H; giới tính: nam; sinh ngày 02 tháng 7 năm 1987, tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: xóm 7, thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12 (biết đọc, biết viết); nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị X; đều trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vợ: Trần Thị Thanh H, sinh 1992 (đã ly hôn); con: chưa có.

Tiền án: không có; Tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn P – Luật sư Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Ngõ 46, số 12 đường B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị H1 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961. Cùng cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Là bố mẹ ruột của bị hại), có mặt.

Ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị M cùng ủy quyền cho anh Lê Văn L, sinh năm 1987 (Văn bản ủy quyền ngày 14/9/2023).

2. Anh Lê Văn L, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Là CH1 của bị hại), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 05 phút ngày 29/8/2023 Lê Văn H, sinh 1987 trú tại thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình không có giấy phép lái xe mô tô và trong máu đã có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, điều khiển xe mô tô BKS 73F1-108.88 tham gia giao thông đường bộ theo hướng Đông - Tây khi đến ngã tư đường liên thôn giao nhau đồng cấp (không có vòng xuyên) thuộc thôn Lý Nhân, xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã thiếu sự quan sát và không nhường đường cho người tham gia giao thông đi từ bên phải đến nên đã tông vào xe mô tô BKS 73F1-300.24 do chị Nguyễn Thị H1, sinh 1985 trú tại thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đang điều khiển đi vào ngã tư đường theo hướng Bắc - Nam, phía sau chở theo con gái Lê Nguyễn Ngọc H, sinh 2017. Hậu quả: Lê Văn H và Nguyễn Thị H1 bị thương, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện H nghị Việt Nam - Cu Ba - Đồng Hới đến ngày 30/8/2023 thì Nguyễn Thị H1 tử vong, hai phương tiện hư hỏng (BL: 7 đến 22, 99 đến 107, 198 đến 208).

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 859/KL - PY ngày 29/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Nạn nhân Nguyễn Thị H1 chết do đa chấn thương (BL: 35-37).

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông là ngã tư đường đồng cấp, đường liên thôn thuộc thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Mặt đường được làm bằng bê tông, bằng phẳng. Tại ngã tư tầm nhìn bị che khuất do người dân làm nhà ở xung quanh. Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo chiều hướng từ Đông - Tây, lấy cột điện bên phải hướng Đông - Tây trên mép đường phải làm điểm mốc, lấy mép đường bên phải theo hướng Đông - Tây (thôn Lý Nhân, xã Đại Trạch đi ra QL 1A) làm chuẩn. Vị trí (1): Vết cày trượt sau khi xảy ra tai nạn giao thông nằm trên mặt đường, vết cày trượt đứt quãng, màu trắng. Khoảng cách từ điểm đầu vị trí (1) vào mép chuẩn là 2,4m, điểm cuối vị trí (1) vào mép chuẩn là 4,0m. Kích thước tại điểm rộng nhất của vị trí (1) là 3,15m, vết cày trượt dài 7,8m. Từ vị trí (1) đến điểm mốc kích thước là 7,5m; Vị trí (2): Đám mảnh vỡ nằm trên mặt đường hình dạng không cố định. Khoảng cách từ vị trí (1) đến vị trí (2) là 2m, điểm đầu vị trí (2) vào mép chuẩn có kích thước 2,4m. Kích thước tại điểm rộng nhất của vị trí (2) là 3,4m, dài nhất của vị trí (2) là 0,6m; Vị trí (3): Xe mô tô 73F1-108.88 sau tai nạn nằm lại trên mặt đường, đầu xe hướng Nam, đuôi xe hướng Bắc. Khoảng cách từ vị trí (2) đến tâm trục trước vị trí (3) là 5,4m. Từ đầu vị trí (2) đến tâm trục sau vị trí (3) là 5,9m. Khoảng cách từ tâm trục sau vị trí (3) vào mép chuẩn là 3,1m, tâm trục trước vị trí (3) vào mép chuẩn là 4,0m; Vị trí (4): Xe mô tô BKS 73F1-300.24 sau tai nạn nằm trên mặt đường, đầu xe quay hướng Đông. Khoảng cách từ tâm trục sau của vị trí (3) đến tâm trục sau của vị trí (4) là 2m, từ tâm trục trước vị trí (3) đến tâm trục trước vị trí (4) là 3,5m. Khoảng cách từ tâm trục trước vị trí (4) đến mép chuẩn là 1,1m, từ tâm trục sau vị trí (4) đến mép chuẩn là 1,6m; Vị trí (5): Đám máu 1 nằm trên mặt đường có kích thước (80 x 50)cm; Vị trí (6): Đám máu 2 có kích thước (1,3 x 0,9)m. (Bút lục số: 7, 8).

Kết quả khám nghiệm phương tiện: Tại bản kết luận giám định số: 882/KL-KTHS ngày 28/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Dấu vết trượt xước mất nhựa ở mặt trước ốp cụm đèn chiếu sáng xe mô tô BKS 73F1-108.88 (ảnh 4, 5 trong giám định) có đặc điểm phù hợp với dấu vết trượt xước bám dính chất màu trắng (dạng nhựa) ở mặt ngoài gương chiếu hậu bên trái xe mô tô BKS 73F1-300.24 (ảnh 21, 22); Dấu vết vỡ (dấu vết 1) ở mặt nạ, dấu vết hằn trượt mất gỉ kim loại màu nâu ở mặt trước còi xe mô tô BKS 73F1-108.88 (ảnh 7, 8, 10) có đặc điểm phù hợp với dấu vết bung rời ốp kim loại và trượt xước ở đầu ngoài tay cầm lái bên trái, dấu vết trượt xước bám dính chất màu đen, nâu (dạng sơn, gỉ kim loại) ở tay phanh bên trái xe mô tô BKS 73F1-300.24 (ảnh 24, 25, 26); Dấu vết gãy, trượt xước bám dính chất màu đỏ (dạng sơn) ở phần trước chắn bùn bánh trước xe mô tô BKS 73F1-108.88 (ảnh 11) có đặc điểm phù hợp với dấu vết gãy vỡ ở mang xe và ốp sau mang xe mô tô BKS 73F1-300.24 (ảnh 27 đến 31).

Đặc điểm các dấu vết nêu trên phù hợp với tình huống cụm đèn chiếu sáng, mặt nạ, còi xe, phần trước chắn bùn bánh trước xe mô tô BKS 73F1-108.88 va chạm với gương chiếu hậu bên trái, đầu ngoài tay cầm lái bên trái, tay phanh bên trái, mang xe bên trái, phần bên trái ốp sau mang xe mô tô BKS 73F1-300.24 theo hướng từ trái sang phải so với trục dọc của xe mô tô BKS 73F1-300.24. (Bút lục số: 58, 59).

Kết quả xét nghiệm hóa sinh kiểm tra nồng độ cồn và xét nghiệm nước tiểu kiểm tra ma túy đối với Lê Văn H: Nồng độ cồn {máu}: 37.5 mmol/L, tương đương với 172,8 mg/100mL; âm tính với ma túy. (Bút lục số: 94, 95).

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch tạm giữ: 01 xe mô tô BKS 73F1 - 300.24; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 73F1-300.24; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Thị H1; 01 xe mô tô BKS 73F1-108.88.

Xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Bố Trạch đã trả lại các vật chứng trên cho chủ sở hữu và đại diện gia đình nạn nhân.

* Phân trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn H đã thỏa thuận và bồi thường đủ cho gia đình nạn nhân Nguyễn Thị H1 tổng số tiền là 180.000.000 đồng, để chi trả tiền mai táng phí, tổn thất tinh thần và các tổn thất khác. Gia đình nạn nhân có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và bãi nại trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Văn H (BL số 114 đến 131).

Tại bản cáo trạng số 123/THQCT- KSĐT ngày 21/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch để xét xử Lê Văn H, về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo các điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự như đã nêu trên, và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án đối với Lê Văn H.

Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Lê Văn H từ 30 (ba mươi) tháng đến 35 (ba lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Văn P đối với bị cáo:

Nhất trí với nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt bị cáo bị truy tố. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý vì do cầu thả, quá trình điều tra cũng như tại phiên toà ngày hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường đầy đủ trách nhiệm dân sự cho phía gia đình người bị hại được gia đình bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị cho bị cáo cải tạo tại địa phương thể hiện phía đại diện bị hại đã có phần chia sẻ, cảm thông đối với bị cáo; sau khi gây tai nạn bản thân bị cáo cũng bị chấn thương phần mềm vùng mắt, gãy R11, 21 và phải điều trị tại bệnh viện một thời gian, nay có phần thuyên giảm nhưng chưa phục hồi đầy đủ; bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến trước ngày phạm tội chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bó Trạch đề nghị mức án đối với bị cáo với Hội đồng xét xử từ 30 (ba mươi) tháng đến 35 (ba lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án là có phần quá nghiêm khắc, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét đánh giá tính chất vụ án để áp dụng hình phạt đối với bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố và cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bó Trạch đã đề nghị là phù hợp.

Những tình tiết giảm nhẹ nói trên được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo.

Tại phiên toà, bị cáo nói lời sau cùng là đã thấy được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để có điều kiện cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bó Trạch, Điều tra viên Công an huyện Bó Trạch, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bó Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Lời khai nhận tội của bị cáo, không gian, thời gian, địa điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y hoàn toàn phù hợp nhau. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Do không tuân thủ các qui định về luật giao thông đường bộ. Vào khoảng 14 giờ 05 phút ngày 29/8/2023 tại ngã tư đường liên thôn giao nhau đồng cấp (không có vòng xuyến) thuộc thôn Lý Nhân, xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Lê Văn H không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, trong máu có nồng độ cồn vượt quá mức cho phép (37.5 mmol/L, tương đương với 172,8 mg/100mL), nhưng vẫn điều khiển xe mô tô mang BKS 73F1-108.88 tham gia giao thông đường bộ. Khi đến ngã tư đường liên thôn giao nhau đồng cấp (không có vòng xuyến), Lê Văn H đã thiếu sự quan sát và không nhường đường cho xe mô tô đi từ bên phải đến nên đã tông vào xe mô tô BKS 73F1-300.24 do chị Nguyễn Thị H1 đang điều khiển đi vào ngã tư đường. Hậu quả: chị Nguyễn Thị H1 tử vong. hành vi của Lê Văn H đã vi phạm khoản 8, khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 24 Luật giao thông đường bộ, làm chết 01 người.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác định nội dung vụ án như trình bày ở trên là hoàn toàn đúng, do vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn H có lý lịch nêu trên phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội của bị cáo gây ra trong vụ án này thấy rằng:

Bị cáo Lê Văn H là người đã trưởng thành, không có giấy phép lái xe hợp lệ, trong máu có nồng độ cồn vượt quá mức cho phép (37.5 mmol/L, tương đương với 172,8 mg/100mL), nhưng vẫn điều khiển xe mô tô mang BKS 73F1-108.88 tham gia giao thông đường bộ. Khi đến ngã tư đường liên thôn giao nhau đồng cấp (không có vòng xuyến), Lê Văn H đã thiếu sự quan sát và không nhường đường cho xe mô tô đi từ bên phải đến nên đã tông vào xe mô tô BKS 73F1-300.24 do chị Nguyễn Thị H1 đang điều khiển đi vào ngã tư đường. Hậu quả: chị Nguyễn Thị H1 tử vong, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể là những quy định về trật tự an toàn giao thông đường bộ và bảo vệ an toàn sức khỏe, tính mạng, tài sản của công dân mà còn làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân.

Bị cáo bị truy tố theo hai tình tiết định khung tăng nặng quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, (a) Không có giấy phép lái xe theo quy định; (b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng chất ma túy hoặc các chất kích thích mạnh khác mà pháp luật cấm sử dụng.

Nên đối với bị cáo cần xử phạt mức án phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến trước ngày phạm tội chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý do cầu thả, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường đầy đủ trách nhiệm dân sự cho phía gia đình bị hại được gia đình bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị cho bị cáo cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội giúp đỡ gia đình nạn nhân, thể hiện phía đại diện bị hại có phần chia sẻ, cảm thông đối với bị cáo; sau khi gây tai nạn bản thân bị cáo cũng bị chấn thương phần mềm vùng mắt, gãy R11, 21 và phải điều trị tại bệnh viện một thời gian, nay có phần thuyên giảm nhưng chưa phục hồi đầy đủ; bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến trước ngày phạm tội chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước.

Những tình tiết giảm nhẹ nói trên được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Trên cơ sở những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử cân nhắc, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân khách quan, yếu tố chủ quan, tính nhân đạo của pháp luật để khi quyết định hình phạt đảm bảo tính giáo dục và trừng trị mang tính thuyết phục đối với bị cáo. Theo đó bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một mức hình phạt nhất định và cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã bị truy tố và giảm nhẹ một phần mức án cho bị cáo so với mức án mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa là phù hợp để bị cáo có điều kiện cải tạo, sớm trở về với gia đình và cộng đồng xã hội cũng đã có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của đại diện hợp pháp cho bị hại, tại phiên tòa họ không có yêu cầu gì thêm, nên miễn xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

Số vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bồ Trách đã xử lý xong, đúng pháp luật, nên miễn xét.

Quan điểm luận tội và đề nghị hướng giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, quan điểm bào chữa của Luật sư đối với bị cáo và lời nói sau cùng của bị cáo, lời đề nghị của đại diện hợp pháp cho bị hại sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án đối với Lê Văn H.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt:

Bị cáo Lê Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

[3] Vật chứng vụ án: Miễn xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Miễn xét.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/3/2024). Riêng anh Lê Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAQB;
- Sở TPQB;
- VKSND tỉnh QB;
- PV 06 (Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CAQB);
- VKSND huyện BT;
- Công an huyện BT;
- Cơ quan THAHS Bồ Trạch;
- Chi cục THABT;
- UBND xã Đ, huyện B;
- Thi hành án hình sự TA;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA;
- Lưu AV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Phú Quảng

